

Số: 02/2025/QĐST-HNGĐ

Phú Thọ, ngày 26 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc xác định cha cho con

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – PHÚ THỌ

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Phạm Cao Sơn.

Thư ký phiên họp: Ông Bùi Văn Cao – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 – Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Phú Thọ tham gia phiên họp:
Bà Lê Thuý Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 – Phú Thọ mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 02/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2025 về việc Yêu cầu xác định cha cho con theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Anh Khả Văn D, sinh năm 1998.
Địa chỉ: xóm C, xã M, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Khả Thị N, sinh năm 1979.
Địa chỉ: xóm C, xã M, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

Ông Hà Văn C, sinh năm 1973 và bà Hà Thị M, sinh năm 1954. Cùng địa chỉ: Tổ dân phố C, xã M, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, người yêu cầu là anh Khả Văn D trình bày: Mẹ anh là bà Khả Thị N trước đây có quan hệ tình cảm với ông Hà Văn C1, sinh năm 1977. Trú tại: Tổ dân phố C, xã M, tỉnh Phú Thọ. Do hoàn cảnh hai gia đình nên bà Khả Thị N và ông Hà Văn C1 chưa đăng ký kết hôn, chưa tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Tuy nhiên hai người có một con chung là anh Khả Văn D hiện đang sinh sống cùng bà Khả Thị N. Năm 2004, ông Hà Văn C1 chết. Họ hàng bên nội và anh Khả Văn D hiện nay vẫn đi lại quan hệ tốt với nhau nên anh Khả Văn D có mong muốn được chính thức nhận họ hàng bên nội và nhận ông Hà Văn C1 là cha ruột; mong muốn được đổi họ sang họ cha là họ

H của ông Hà Văn C1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Khả Thị N trình bày: Bà Khả Thị N xác nhận mối quan hệ tình cảm với ông Hà Văn C1 từ năm 1996 và có con chung với nhau tên là Khả Văn D nhưng không có đăng ký kết hôn, không tổ chức lễ cưới. Năm 2004, ông Hà Văn C1 chết. Sau đó mối quan hệ giữa bà, anh Khả Văn D và gia đình ông Hà Văn C1 vẫn tốt đẹp. Nay nguyện vọng của anh Khả Văn D muốn nhận họ hàng bên nội, muốn mang họ cha là Hà Văn C1 nên đề nghị Toà án xác nhận ông Hà Văn C1 là cha ruột của Khả Văn D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hà Thị M và ông Hà Văn C trình bày: Bà Hà Thị M là mẹ đẻ ông Hà Văn C và Hà Văn C1. Cả bà Hà Thị M và ông Hà Văn C đều xác nhận tại thời điểm năm 1996 ông Hà Văn C1 có quan hệ tình cảm và có con chung với bà Khả Thị N là anh Khả Văn D. Hai người chưa đăng ký kết hôn, chưa làm lễ cưới thì năm 2004 ông Hà Văn C1 chết. Nay gia đình bà Hà Thị M, ông Hà Văn C thừa nhận anh Khả Văn D là con đẻ ông Hà Văn C1 và nhận là cháu nội. Vì vậy, đề nghị Toà án xác nhận ông Hà Văn C1 là cha ruột của anh Khả Văn D.

Kết quả giám định số 307/KL-KTHS ngày 12/9/2025 của V Bộ C2 kết luận: anh Khả Văn D và ông Hà Văn C có quan hệ huyết thống theo dòng cha với nhau. Bà Hà Thị M và ông Hà Văn C có quan hệ huyết thống mẹ đẻ - con đẻ với nhau.

Tại phiên họp, quan điểm của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ đến khi mở phiên họp; trình tự, thủ tục phiên họp được thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ việc thấy rằng: bà Khả Thị N và ông Hà Văn C1 có quan hệ tình cảm với nhau từ năm 1996 nhưng chưa đăng ký kết hôn, chưa làm lễ cưới và có con chung với nhau là anh Khả Văn D. Năm 2004 ông Hà Văn C1 chết. Nay anh Khả Văn D mong muốn được nhận họ hàng bên nội, muốn được mang họ cha và có yêu cầu xác nhận ông Hà Văn C1 là cha ruột. Theo kết quả giám định thì anh Khả Văn D và anh trai ông Hà Văn C1 là Hà Văn C có quan hệ huyết thống theo dòng cha; bà Hà Thị M là mẹ đẻ ông Hà Văn C1 có quan hệ huyết thống mẹ đẻ - con đẻ với ông Hà Văn C. Như vậy có đủ cơ sở kết luận anh Khả Văn D là con đẻ của ông Hà Văn C1; yêu cầu của anh Khả Văn D là có căn cứ và đề nghị được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 16 – Phú Thọ nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều cư trú tại xã M và xã M thuộc tỉnh Phú Thọ, thuộc thẩm quyền giải quyết theo

địa giới hành chính của Toà án nhân dân khu vực 16 – Phú Thọ theo quy định tại khoản 10 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm t khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về yêu xác định cha cho con của anh Khả Văn D*: Anh Khả Văn D sinh năm 1998, phù hợp với lời khai của bà Khả Thị N, bà Hà Thị M và ông Hà Văn C về việc bà Khả Thị N và ông Hà Văn C1 có quan hệ tình cảm với nhau từ năm 1996. Cả bà Khả Thị N và gia đình ông Hà Văn C1 đều thừa nhận anh Khả Văn D là con ông Hà Văn C1. Tại kết quả giám định số 307/KL-KTHS ngày 12/9/2025 của V Bộ C2 kết luận: anh Khả Văn D và ông Hà Văn C, là anh trai ruột ông Hà Văn C1, có quan hệ huyết thống theo dòng cha với nhau. Bà Hà Thị M (là mẹ đẻ ông Hà Văn C và ông Hà Văn C1) và ông Hà Văn C có quan hệ huyết thống mẹ đẻ - con đẻ với nhau. Như vậy, có đủ căn cứ xác định ông Hà Văn C1 là cha đẻ của anh Khả Văn D. Yêu cầu của anh Khả Văn D là chính đáng và có cơ sở chấp nhận.

[3] *Về lệ phí*: Người yêu cầu là anh Khả Văn D đã thành niên nên phải chịu lệ phí Toà án theo quy định của pháp luật.

[4] *Về chi phí tố tụng*: Chi phí giám định sinh học (AND) hết 15.012.000 (Mười hai triệu, không trăm mười hai nghìn) đồng theo Phiếu thu số 283 ngày 10/9/2025 của V Bộ C2. Số tiền này anh Khả Văn D tự nguyện chịu và đã nộp xong.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 10 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm t khoản 2 Điều 39; Điều 161; Điều 370; Điều 371; Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 88; khoản 2 Điều 101; khoản 2 Điều 102 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Khả Văn D về việc xác định cha cho con; xác định ông Hà Văn C1, sinh ngày 03/9/1977 (đã chết) là cha đẻ của anh Khả Văn D, sinh ngày 07 tháng 12 năm 1998 (Theo Giấy khai sinh số 046/1998, đăng ký ngày 18/12/1998 tại UBND xã C, huyện M, tỉnh Hòa Bình, nay là xã M, tỉnh Phú Thọ).

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Khả Văn D phải chịu 300.000đ lệ phí sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai số 0001721 ngày 26/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ; anh Khả Văn D đã nộp xong lệ phí.

3. Về chi phí tố tụng: Chi phí giám định sinh học (AND) hết 15.012.000 (Mười hai triệu, không trăm mười hai nghìn) đồng theo Phiếu thu số 283 ngày 10/9/2025 của V Bộ C2. Số tiền này anh Khả Văn D tự nguyện chịu và đã nộp xong.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 16 - Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Phòng THADS khu vực 16 - Phú Thọ;
- UBND xã M - Phú Thọ;
- (Nơi đăng ký hộ tịch)*
- Lưu hồ sơ vụ việc.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Phạm Cao Sơn

Nơi nhận:

- Ghi theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 370 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN
SỰ**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP⁽²⁴⁾

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:

- (1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: “Số: 20/2018/QĐST-KDTM”).
- (3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.
- (4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.
- (5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.
- (6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).
- (7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.
- (8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.
- (9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện

theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn “văn bản ủy quyền ngày ... tháng ... năm”

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại..... là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần X).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tại..... là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày..... tháng..... năm.....).

(10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn L nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

(12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).

(13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).

(14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.

(15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.

(18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.

(20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.

(21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

(22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.

(23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.

(24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi:

“THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)”